

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30

59
C
Á
M
T

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 59/UBCK-GP ngày 01 tháng 10 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 84/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305683167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 và cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 12 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Phòng 1807-1808, tầng 18, tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN ("HĐTV")

Các thành viên Hội đồng thành viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Yun Hang Jin	Chủ tịch HĐTV	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2020
Ông Kim Wook	Thành viên HĐTV	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2022
Ông Yang Bong Jin	Thành viên HĐTV	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2022

KIỂM SOÁT VIÊN

Kiểm soát viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông An Chang Mo	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Huỳnh Tuấn Khánh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Trần Thùy Trang	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 1 năm 2023
Ông Nguyễn Hữu Tiến	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 1 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yun Hang Jin, Chủ tịch HĐTV.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

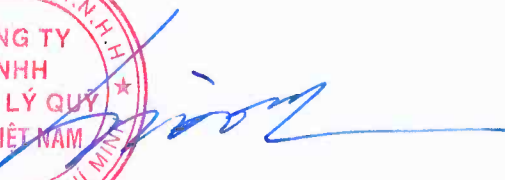
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 61065594/67598998

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Wu Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1



Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		75.810.567.368	58.122.029.510
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	44.690.960.672	45.290.710.189
111	1. Tiền		43.134.545.742	23.784.545.805
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.556.414.930	21.506.164.384
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		28.182.007.876	12.365.562.291
134	1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6	28.140.650.302	12.088.991.320
135	2. Các khoản phải thu khác	7	41.357.574	276.570.971
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		2.937.598.820	465.757.030
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	789.110.415	342.546.761
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	13	-	123.210.269
158	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	2.148.488.405	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.809.698.356	6.525.277.521
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		19.350.000	2.257.840.405
218	1. Phải thu dài hạn khác	9	19.350.000	2.257.840.405
220	II. Tài sản cố định		1.144.249.179	2.153.120.154
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.106.611.427	2.025.151.778
222	<i>Nguyên giá</i>		3.533.857.121	3.486.703.421
223	<i>Giá trị khấu hao lũy kế</i>		(2.427.245.694)	(1.461.551.643)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	37.637.752	127.968.376
228	<i>Nguyên giá</i>		267.082.000	267.082.000
229	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(229.444.248)	(139.113.624)
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.646.099.177	2.114.316.962
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.646.099.177	2.114.316.962
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		78.620.265.724	64.647.307.031
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		17.827.641.068	13.936.452.515
310	I. Nợ ngắn hạn		17.827.641.068	13.936.452.515
312	1. Phải trả người bán		-	7.634.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.705.009.665	845.724.090
315	3. Phải trả người lao động	14	13.057.042.228	9.707.610.250
316	4. Chi phí phải trả	15	2.065.589.175	3.091.589.175
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	283.895.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		60.792.624.656	50.710.854.516
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	55.000.000.000	55.000.000.000
420	2. Lãi/(lỗ) chưa phân phối		5.792.624.656	(4.289.145.484)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		78.620.265.724	64.647.307.031

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
030	I. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	310.522.295.352	780.520.732.056
031	1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		42.476.085.847	20.463.796.434
032	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		268.046.209.505	760.056.935.622
040	II. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	18	25.350.834.425.750	18.915.480.015.760
041	1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		1.094.960.203.600	643.244.934.000
042	2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		24.255.874.222.150	18.272.235.081.760
050	III. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	19	204.250.000	2.697.990.000
051	IV. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	20	10.298.166.662	3.383.739.358

Người lập

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Phê duyệt



Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu	21	87.018.790.289	81.515.125.923
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		87.018.790.289	81.515.125.923
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	22	(31.287.409.703)	(35.535.529.883)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		55.731.380.586	45.979.596.040
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.303.639.894	866.695.143
22	6. Chi phí hoạt động tài chính	24	(490.080.616)	(41.129.303)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(42.836.308.470)	(39.499.099.586)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.708.631.394	7.306.062.294
31	9. Thu nhập khác		-	345.001
40	10. Lợi nhuận khác		-	345.001
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.708.631.394	7.306.407.295
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(4.626.861.254)	(302.883.008)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		10.081.770.140	7.003.524.287

Người lập

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Phê duyệt



Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		70.906.047.962	74.970.441.716
02	2. Tiền chi từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		(20.782.156.305)	(17.694.859.976)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(29.566.452.609)	(30.458.949.142)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	(2.364.163.622)	-
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.298.650.256	992.623.892
07	6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(21.964.696.449)	(20.066.037.668)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(2.472.770.767)	7.743.218.822
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(47.153.700)	(707.825.050)
27	2. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		1.920.174.950	613.694.020
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.873.021.250	(94.131.030)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(599.749.517)	7.649.087.792
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	45.290.710.189	37.641.622.397
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	44.690.960.672	45.290.710.189

Người lập



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Phê duyệt



Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	55.000.000.000	55.000.000.000	-	-	-	-	55.000.000.000	55.000.000.000
2. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(11.292.669.771)	(4.289.145.484)	7.003.524.287	-	10.081.770.140	-	(4.289.145.484)	5.792.624.656
TỔNG CỘNG		43.707.330.229	50.710.854.516	7.003.524.287	-	10.081.770.140	-	50.710.854.516	60.792.624.656

Người lập



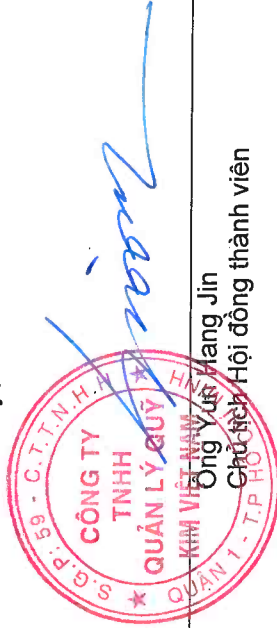
Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Phê duyệt



Ông Vũ Văn Hoàng Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 59/UBCK-GP ngày 1 tháng 10 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 84/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2020 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305683167 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Phòng 1807-1808, Lầu 18, tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 55.000.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 55.000.000.000 đồng).

Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 33 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 30 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC, được sửa đổi bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	2 - 5 năm
Vật kiến trúc	2 - 5 năm
Phần mềm máy tính	2 - 3 năm

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn.
- ▶ Chi phí chuyển nhượng thẻ hội viên.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu thông qua xem xét thỏa thuận này có gắn liền với việc sử dụng một tài sản nhất định và bao gồm các điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.8 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Lợi ích của nhân viên

4.10.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

4.10.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 của Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.10.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận vào tài khoản vốn góp theo giá gốc.

4.14 *Công cụ tài chính*

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư dài hạn khác, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.15 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.



69
C
T
Á
N
V
T

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND		
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	42.380.108.835	13.401.202.870
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	751.070.142	249.107.347
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.366.765	10.074.069.023
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ		
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	60.166.565
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND (*)		
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	1.556.414.930	1.506.164.384
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	20.000.000.000
	<u>44.690.960.672</u>	<u>45.290.710.189</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và lãi suất từ 3,50%/năm đến 4,75%/năm.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	27.739.573.368	11.871.852.925
- Korea Investment Management Co.,Ltd	17.752.810.396	4.353.596.954
- TMAM Vietnam Equity Mother Fund	9.986.762.972	6.855.028.437
- Công ty TNHH Daoukiwoom Innovation	-	97.903.365
- Covestcons Co.,Ltd.	-	417.674.114
- Nguyễn Thị Kim Quế	-	147.650.055
Phải thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán	401.076.934	217.138.395
- Quỹ ETF KIM Growth VN30	253.607.428	183.391.823
- Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT	147.469.506	33.746.572
	28.140.650.302	12.088.991.320

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Lãi dự thu	1.663.019	170.630.794
Phải thu khác	39.694.555	105.940.177
	41.357.574	276.570.971

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	118.275.719	105.594.897
Chi phí mua bảo hiểm	349.654.876	236.951.864
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	321.179.820	-
	789.110.415	342.546.761

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	342.546.761	742.850.831
Tăng trong năm	10.177.065.861	8.898.151.910
Phân bổ trong năm	(9.730.502.207)	(9.298.455.980)
Số cuối năm	789.110.415	342.546.761

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Đặt cọc thuê nhà cho chuyên gia nước ngoài	323.368.000	-
Đặt cọc thuê văn phòng	1.825.120.405	-
	2.148.488.405	-
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc thuê văn phòng	-	1.825.120.405
Đặt cọc thuê nhà	-	413.370.000
Đặt cọc dài hạn khác	19.350.000	19.350.000
	19.350.000	2.257.840.405
	2.167.838.405	2.257.840.405

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.643.400.300	1.843.303.121	3.486.703.421
Mua mới	47.153.700	-	47.153.700
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.690.554.000	1.843.303.121	3.533.857.121
Giá trị khấu hao lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	261.221.411	1.200.330.232	1.461.551.643
Khấu hao trong năm	411.534.404	554.159.647	965.694.051
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	672.755.815	1.754.489.879	2.427.245.694
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.382.178.889	642.972.889	2.025.151.778
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.017.798.185	88.813.242	1.106.611.427

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 996.109.121 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 0 VND).

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	267.082.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	267.082.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	139.113.624
Hao mòn trong năm	90.330.624
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	229.444.248
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	127.968.376
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	37.637.752

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Chi phí thẻ hội viên	1.440.199.050	1.622.118.930
Thiết bị có giá trị nhỏ	205.900.127	492.198.032
	1.646.099.177	2.114.316.962

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	2.114.316.962	2.343.256.955
Tăng trong năm	15.490.000	224.352.000
Phân bổ trong năm	(483.707.785)	(453.291.993)
Số cuối năm	1.646.099.177	2.114.316.962

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Thuế thu nhập cá nhân	586.199.493	10.841.376.338	(10.862.053.529)	565.522.302
Thuế nhà thầu nước ngoài	259.524.597	625.941.951	(885.466.548)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(123.210.269)	4.626.861.254	(2.364.163.622)	2.139.487.363
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	722.513.821	16.097.179.543	(14.114.683.699)	2.705.009.665

Trong đó:

Phải thu	123.210.269	-
Phải trả	845.724.090	2.705.009.665

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Trích trước lương, thưởng cho nhân viên	13.057.042.228	9.707.610.250

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Chi phí dịch vụ chuyên môn	1.476.520.640	1.072.520.640
Phần mềm	470.000.000	1.650.000.000
Chi phí thuê xe	75.000.000	75.000.000
Chi phí phải trả khác	44.068.535	294.068.535
	2.065.589.175	3.091.589.175

16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Vốn điều lệ (VND)	% sở hữu	Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ chưa góp (VND)
Korea Investment Co., Ltd	55.000.000.000	100%	55.000.000.000	-

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Số dư tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	268.046.209.505	760.056.935.622
KITMC Worldwide Vietnam RSP Balance Fund	134.145.274.596	312.174.068.665
TMAM Vietnam Equity Mother Fund	82.453.774.460	344.904.313.544
KIM Vietnam Growth Equity Fund	32.581.148.952	53.767.705.671
KITMC Worldwide China Vietnam Fund	10.067.076.345	19.865.317.563
KITMC Vietnam Growth Fund	7.702.878.676	6.693.252.138
KIM Vietnam IPO Balanced Fund	1.096.056.476	14.206.356.476
Công ty TNHH Daoukiwoom Innovation	-	8.445.921.565
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	42.476.085.847	20.463.796.434
Covestcons Co.,Ltd.	33.270.930.576	15.828.919.585
Nguyễn Thị Kim Quế	7.301.892.686	3.312.311.406
Quỹ ETF KIM Growth VN30	1.109.179.820	1.034.921.452
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT	794.082.765	287.643.991
	310.522.295.352	780.520.732.056

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Cổ phiếu niêm yết	25.350.834.425.750	18.915.480.015.760
- Nhà đầu tư nước ngoài	24.255.874.222.150	18.272.235.081.760
- Nhà đầu tư trong nước	1.094.960.203.600	643.244.934.000
Trong đó, cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro:		
FPT	2.472.356.339.300	1.675.229.664.900
HPG	1.816.844.750.500	216.295.020.000
GMD	1.735.456.200.000	942.499.460.000
BID	1.494.998.411.200	1.232.870.026.800
SSI	1.408.853.447.200	63.912.027.300
CTG	1.355.477.610.400	1.016.342.132.750
STB	1.250.748.525.000	698.982.750.000
MBB	1.019.284.212.850	969.618.204.900
ACB	799.669.932.700	444.140.935.200
HCM	309.233.698.200	149.652.420.000
HSG	280.127.184.000	-
VCI	143.640.000.000	56.520.750.000
HDB	34.711.822.600	14.539.222.500
VIB	23.854.846.400	12.122.380.000
SHB	26.432.784.000	2.484.166.750
VJC	15.616.800.000	12.515.850.000
EIB	10.251.025.650	2.618.915.000
LPB	12.926.623.500	2.381.999.200
VND	8.831.025.000	44.601.300.000
MSB	7.879.560.000	2.270.250.000
OCB	5.360.565.000	1.382.400.000
EVF	4.004.800.000	-
VIX	3.888.198.000	300.300.000
FTS	1.899.857.500	198.450.000
ORS	1.055.700.000	160.395.000
VDS	519.840.000	63.771.000
BSI	469.300.000	78.300.000
MIG	418.729.500	91.140.000
CTS	404.690.000	58.190.000
AGR	386.917.350	51.052.500
BIC	161.600.000	-
	25.350.834.425.750	18.915.480.015.760

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

19. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Quỹ ETF KIM Growth VN30	204.250.000	571.620.000
Covestcons Co.,Ltd.	-	661.060.000
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT	-	21.700.000
Nguyễn Thị Kim Quế	-	1.156.910.000
Công ty TNHH Daokiwoom Innovation	-	286.700.000
	204.250.000	2.697.990.000

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Covestcons Co.,Ltd.	7.237.613.173	2.080.996.835
Nguyễn Thị Kim Quế	1.717.268.974	553.982.896
Quỹ ETF KIM Growth VN30	758.037.665	503.221.065
Quỹ ETF KIM Growth VNFINSELECT	585.246.850	245.538.562
	10.298.166.662	3.383.739.358

21. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	81.899.412.266	80.283.143.111
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	3.571.562.023	1.231.982.812
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư	1.547.816.000	-
	87.018.790.289	81.515.125.923

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	26.726.234.495	31.503.275.529
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	4.561.175.208	4.032.254.354
	31.287.409.703	35.535.529.883

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.738.590.168	861.349.950
Doanh thu khác	565.049.726	5.345.193
	2.303.639.894	866.695.143

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	490.080.616	41.129.303

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên	17.383.782.294	14.462.654.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.065.792.357	10.209.908.143
Thù lao Hội đồng Quản trị	7.276.666.199	5.455.120.940
Chi phí thuê văn phòng	2.828.825.386	2.714.335.241
Chi phí thuê xe	1.060.216.400	1.037.444.378
Chi phí thuê nhà	1.838.230.194	986.796.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.056.024.675	806.720.026
Thuế, phí và lệ phí	369.417.354	774.977.604
Chi phí khác	957.353.611	3.051.142.796
	42.836.308.470	39.499.099.586

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm theo quy định hiện hành (năm trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.708.631.394	7.306.407.295
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	2.941.726.279	1.461.281.459
Khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được trừ	220.356.642	82.305.763
- Chi phí trích trước	1.375.271.360	1.079.515.683
- Doanh thu không chịu thuế	89.506.973	-
Khoản điều chỉnh giảm		
- Doanh thu không chịu thuế	-	(448.251.937)
Chi phí thuế TNDN ước tính	4.626.861.254	2.174.850.968
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(1.871.967.960)
Chi phí thuế TNDN trong năm	4.626.861.254	302.883.008

27. THUYẾT MINH BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Korea Investment Management Co., Ltd	Công ty mẹ	Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	46.185.496.569	51.120.396.214
Quỹ ETF KIM VN Growth VN30	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	2.480.651.364	1.138.548.102
QUỸ ETF KIM Growth VNFINSELECT	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	1.090.851.884	93.434.710

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

27. THUYẾT MINH BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</u>
Công ty Korea Investment Management Co., Ltd	Công ty mẹ	Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	17.752.810.396	4.353.596.954
Quỹ ETF KIM VN GrowthVN30	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	253.607.428	183.391.823
QUỸ ETF KIM Growth VNFINSELECT	Quỹ được quản lý bởi KIM VN	Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	147.469.506	33.746.572

Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Hội đồng Quản trị	7.276.666.199	5.864.920.940
Ban Giám đốc	1.590.450.578	1.183.950.000

28. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê xe, thuê nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</u>
Đến 1 năm	7.176.415.713	1.477.839.000
Từ 1 đến 5 năm	65.231.000	12.795.070.959
	7.241.646.713	14.272.909.959

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

29.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản phải thu khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

29.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi năm lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày tại *Thuyết minh số 5* và *Thuyết minh số 6*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

29.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và nợ phải trả của Công ty:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.134.545.742	1.556.414.930	-	-	44.690.960.672
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	28.140.650.302	-	-	28.140.650.302
Phải thu ngắn hạn khác	41.357.574	1.892.120.405	256.368.000	-	2.189.845.979
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	19.350.000	19.350.000
	43.175.903.316	31.589.185.637	256.368.000	19.350.000	75.040.806.953
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	2.065.589.175	-	-	2.065.589.175
	-	2.065.589.175	-	-	2.065.589.175
Trạng thái thanh khoản ròng	43.175.903.316	29.523.596.462	256.368.000	19.350.000	72.975.217.778

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.784.545.805	21.506.164.384	-	-	45.290.710.189
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	12.088.991.320	-	-	12.088.991.320
Phải thu ngắn hạn khác	276.570.971	-	-	-	276.570.971
Phải thu dài hạn khác	19.350.000	163.770.000	249.600.000	1.825.120.405	2.257.840.405
	24.080.466.776	33.758.925.704	249.600.000	1.825.120.405	59.914.112.885
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán	-	7.634.000	-	-	7.634.000
Chi phí phải trả	-	3.091.589.175	-	-	3.091.589.175
	-	3.099.223.175	-	-	3.099.223.175
Trạng thái thanh khoản ròng	24.080.466.776	30.659.702.529	249.600.000	1.825.120.405	56.814.889.710



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

30. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền (a)	44.690.960.672	45.290.710.189	44.690.960.672	45.290.710.189
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	28.140.650.302	12.088.991.320	(b)	(b)
Phải thu ngắn hạn khác	2.189.845.979	2.257.840.405	(b)	(b)
Phải thu dài hạn khác	19.350.000	276.570.971	(b)	(b)
	75.040.806.953	59.914.112.885		
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	2.065.589.175	3.091.589.175	(b)	(b)
	2.065.589.175	3.091.589.175		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

- (a) Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền được ước lượng với giá trị sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- (b) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập

Người kiểm soát

Phê duyệt



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

